

Bản án số: 59/2019/HS-PT

Ngày: 22-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi.

Ông Ngô Quang Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hồng Tiến- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 19 và 22/4/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử P thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 273/TLPT-HS ngày 26 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo Tô Văn B, Ninh Văn L, Trạc Văn S, Ninh Văn T, Tống Văn L1, Ninh Văn Q, Ninh Văn D, Dương Thị N4 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2018/HS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Tô Văn B**, sinh năm 1975.

Sinh trú quán: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng, Trình độ văn hoá: Lớp 9/12, Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không, có bố đẻ là Tô Văn L2, sinh năm 1947, mẹ đẻ là Hoàng Thị Đ, sinh năm 1949, có vợ là Ninh Thị K, sinh năm 1979, bị cáo có 03 con (con lớn sinh năm 1997; nhỏ sinh năm 2004).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Có 01 tiền sự, tại Quyết định số 49/QĐ – XPHC, ngày 18/1/2018 bị Trưởng Công an huyện L, xử phạt 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) về hành vi gây mất trật tự ở nơi công cộng chưa chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2018. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Họ và tên: **Ninh Văn L**, sinh năm 1966.

Sinh trú quán: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng, Trình độ văn hoá: Không biết chữ, Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không, có bố đẻ là Ninh Văn T2, sinh năm 1939, có mẹ là Tô Thị N1 (đã chết), có vợ là Dương Thị B4, sinh năm 1966, bị cáo có 03 con (lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2003).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Có 01 tiền sự, tại Quyết định số 48/QĐ – XPHC, ngày 18/1/2018 bị Trưởng Công an huyện L, xử phạt 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) về hành vi gây mất trật tự ở nơi công cộng chưa chấp hành xong.

Bị cáo đầu thú tạm giữ từ ngày 25/5 đến ngày 28/5/2018, được tại ngoại đến nay (Có mặt).

3. Họ và tên: **Trạc Văn S**, sinh năm 1963.

Sinh, trú quán: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng, Trình độ văn hoá: 0/12, Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không, có bố đẻ là Trạc Văn T3 (đã chết), mẹ đẻ là Tô Thị L (đã chết), có vợ là Vi Thị T, sinh năm 1964, bị cáo có 03 con (lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1993).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, tại ngoại nơi cư trú từ đầu đến nay (Có mặt).

4. Họ và tên: **Nịnh Văn T**, sinh năm 1966.

Sinh trú quán: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng, Trình độ văn hoá: 0/12, Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không, có bố đẻ là Nịnh Văn C (đã chết), mẹ đẻ là Chung Thị M, sinh năm 1947, vợ là Tống Thị B1, sinh năm 1966, bị cáo có 03 con (lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1994).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Có 01 tiền sự, tại Quyết định số 64/QĐ – XPHC, ngày 18/1/2018 bị Trưởng Công an huyện L, xử phạt 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) về hành vi gây mất trật tự ở nơi công cộng chưa chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2018 đến ngày 28/6/2018 được tại ngoại tại nơi cư trú (Có mặt).

5. Họ và tên: **Tống Văn L1**, sinh năm 1987.

Sinh trú quán: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng, Trình độ văn hoá: Lớp 9/12, Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không, có bố đẻ là Tống Văn T4, sinh năm 1954, mẹ đẻ là Tư Thị T5, sinh năm 1954, vợ là Tô Thị I, sinh năm 1986, bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2018 đến ngày 28/6/2018 được tại ngoại tại nơi cư trú (Có mặt).

6. Họ và tên: **Nịnh Văn Q**, sinh năm 1988.

Sinh trú quán: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng, Trình độ văn hoá: Lớp 3/12, Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không, có bố đẻ là Nịnh Văn C1 (đã chết), mẹ đẻ là Trạc Thị N2, sinh năm 1961, vợ là Chung Thị N3, sinh năm 1988, bị cáo có 03 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo ra đầu thú tạm giữ từ ngày 25 /5/2018 đến ngày 28/5/2018, được tại ngoại tại nơi cư trú từ đầu đến nay (Có mặt).

7. Họ và tên: **Nịnh Văn D**, sinh năm 1988.

Sinh trú quán: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng, Trình độ văn hoá: Lớp 5/12, Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không, có bố đẻ là Nịnh Văn C (đã chết), mẹ đẻ là Tổng Thị D1, sinh năm 1947, Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo ra đầu thú, tại ngoại tại nơi cư trú từ đầu đến nay (Có mặt).

8. Họ và tên: **Dương Thị N4**, sinh năm 1973.

Sinh trú quán: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng, Trình độ văn hoá: Không biết chữ, Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không, có bố đẻ là Dương Văn T6 (đã chết), mẹ đẻ là Trần Thị M1, sinh năm 1945, có chồng là Nịnh Văn Đ1, sinh năm 1971, bị cáo có 05 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2001).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại tại nơi cư trú từ đầu đến nay (Có mặt).

- Các bị cáo không có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Tổng Văn Q1**, sinh năm 1965. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.

Sinh trú quán: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Họ và tên: **Tô Thị V**, sinh năm 1993. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.

Sinh trú quán: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Luật sư **Vũ Văn V**- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư B2- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.

Địa chỉ: Số 08 ngách 01 ngõ 10, phố Hoàng Ngọc P1, phường L1, quận Đ1, thành phố Hà Nội.

Bào chữa cho các bị cáo: Tô Văn B, Ninh Văn D, Ninh Văn L, Trạc Văn S, Ninh Văn T, Tổng Văn L1, Ninh Văn Q.

2. Luật sư Hà Huy Sơn- Luật sư Công ty TNHH Hà Sơn - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.

Địa chỉ: Tầng 3, số 156 Trần Vĩ, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

Bào chữa cho các bị cáo: Tô Văn B, Ninh Văn D, Ninh Văn L, Trạc Văn S, Ninh Văn T, Tổng Văn L1, Ninh Văn Q.

3. Luật sư Hoàng Văn T- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.

Địa chỉ: Tầng 01, Tòa CT13B, khu đô thị C1, đường V, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Bào chữa cho các bị cáo: Tô Văn B, Ninh Văn D, Ninh Văn L, Trạc Văn S, Ninh Văn T, Tổng Văn L1, Ninh Văn Q.

4. Ông Thân Văn L3- Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang bào chữa cho các bị cáo Tô Văn B, Tổng Văn L1 và Trạc Văn S. Có mặt.

5. Bà Thân Thị Thúy V- Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang bào chữa cho các bị cáo Ninh Văn T, Ninh Văn L và Dương Thị N4. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:*

1. Công ty Cổ phần Thiên L6 Đ; người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1959; chức vụ: Trưởng phòng, An Ninh bảo vệ.

Địa chỉ: thôn X, xã M1, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. Công an huyện L; người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn S1; chức vụ: Đội trưởng đội An Ninh. Có mặt.

Địa chỉ nơi công tác: Công an huyện L, Bắc Giang.

3. Công an tỉnh Bắc Giang; người đại diện theo uỷ quyền ông Dương Văn Q2; chức vụ: Cán B1, phòng hậu cần. Vắng mặt.

Địa chỉ nơi công tác: Công an tỉnh Bắc Giang.

- *Bị hại:*

1. Anh Hoàng Mạnh K1, sinh năm 1995. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.

2. Anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1975. Có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn L6, sinh năm 1981. Có mặt.

4. Anh Ngô Vũ Thái H1, sinh năm 1994. Vắng mặt.

5. Anh Phạm Văn C2, sinh năm 1989. Vắng mặt.
Đều công tác tại Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang.
6. Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1979. Có mặt.
7. Anh Ninh Văn P, sinh năm 1975. Vắng mặt.
Đều trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Đình T6, sinh năm 1957. Có mặt.
2. Ông Nguyễn Xuân C3, sinh năm 1955. Có mặt.
3. Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1960. Vắng mặt.
4. Ông Nguyễn Tiến Đ3, sinh năm 1975. Vắng mặt.
5. Ông Ninh Văn V1, sinh năm 1960. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.
6. Anh Chung Văn C4, sinh năm 1982. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.
7. Anh Tổng Văn T7, sinh năm 1986. Vắng mặt.
8. Anh Ninh Văn L4, sinh năm 1986. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.
9. Ông Chung Văn T8, sinh năm 1946. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.
10. Anh Ninh Văn Đ4, sinh năm 1975. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.
11. Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1948. Có mặt.
12. Ông Tô Văn L2, sinh năm 1947. Có mặt.
13. Chị Đặng Thị C, sinh năm 1987. Vắng mặt.
Đều trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
14. Anh Hoàng Văn D2, sinh năm 1971. Vắng mặt.
15. Anh Đàm Văn T8, sinh năm 1987. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.
16. Anh Hoàng Văn L5, sinh năm 1989. Vắng mặt.
Đều trú tại: thôn C3, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
17. Anh Trần Văn K2, sinh năm 1986. Vắng mặt.
18. Anh Trần Văn T9, sinh năm 1990. Vắng mặt.
Đều trú tại: thôn X1, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
19. Chị Phùng Thị P1, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Trú quán: thôn T1, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

20. Chị Nguyễn Thu H3, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Trú quán: Khu L8, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

21. Anh Hoàng Văn T10, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Trú quán: X2, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

22. Anh Đặng Văn X3, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Trú quán: B2, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

23. Anh Đặng Văn H3, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Trú quán: thôn H, xã H2, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

24. Chị Giáp Thị Thuý C5, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Trú quán: Khu M2, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

25. Anh Vương Mạnh C6, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Trú quán: B Nội, xã H2, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

26. Anh Trần Văn G, sinh năm 1995. Vắng mặt.

27. Anh Nguyễn Văn K3, sinh năm 1986. Có mặt ngày 19/4/2019, vắng mặt ngày 22/4/2019.

Đều Công tác tại: Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang.

28. Ông Lê Kim Đ5, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Công tác tại Hội Nông dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang..

29. Anh Chung Văn B1, sinh năm 1989. Có mặt.

Trú quán: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ngày 13/3/2017, Ủy ban nhân tỉnh Bắc Giang có Công văn số 672/UBND về việc đồng ý cho Ủy ban nhân dân huyện L thực hiện công tác giao rừng, cho thuê rừng và đất L6 nghiệp tại xã Đ, huyện L. Ngày 08/9/2017, Ủy ban nhân dân huyện L ra Quyết định số 1122/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án giao rừng và đất L6 nghiệp cho cộng đồng dân cư và các hộ gia đình, cá nhân tại thôn Đ, xã Đ, huyện L. Trong quá trình giao rừng và đất L6 nghiệp, một số cá nhân nhân dân thôn Đ không đồng ý với việc giao rừng và đất L6 nghiệp của Ủy ban nhân dân huyện L cho Công ty Thiên L6 Đ mà phải giao hết cho nhân dân thôn Đ, xã Đ, huyện L. Trước tình hình trên, ngày 10/01/2018, Ủy ban nhân dân huyện L ra Quyết định số 192/QĐ-UBND về việc thành lập tổ tuyên truyền, vận động các hộ gia đình chấp hành các quy định của pháp luật trong việc thực hiện phương án giao rừng và đất L6 nghiệp tại thôn Đ, xã Đ, huyện L. Ngày 15/01/2018, Công an huyện L ban hành Kế hoạch số 04/KH-CALNg về việc đảm bảo an ninh trật tự, phối hợp

với tổ tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật trong việc thực hiện phương án giao rừng và đất L6 nghiệp tại thôn Đ, xã Đ, huyện L.

Khoảng 07 giờ 00 ngày 30/3/2018, có khoảng hơn 20 người dân thôn Đ, xã Đ, huyện L tập trung tại nhà ở của ông Ninh Văn V1, sinh năm 1960 ở thôn Đ, xã Đ, huyện L là nơi Công ty Thiên L6 Đ thuê làm chỗ ở và làm việc của nhân viên bảo vệ Công ty. Mục đích yêu cầu nhân viên bảo vệ của Công ty Thiên L6 Đ rời khỏi thôn Đ. Đến khoảng 08 giờ 30 cùng ngày người dân tập trung đông hơn, lúc này Chung Văn B1, sinh năm 1989 trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện L cùng một số đối tượng khác đã hô hào người dân thôn Đ đuổi nhân viên bảo vệ của Công ty và khiêng đồ đạc trong chỗ ở của nhân viên Công ty ra ngoài. Một số người dân đã vào trong chỗ ở của nhân viên bảo vệ Công ty Thiên L6 Đ khiêng đồ đạc gồm giường, chăn, chiếu, màn, quần áo và một số đồ dùng khác của nhân viên bảo vệ Công ty mang ra ngoài sân để và sau đó tiếp tục vào trong nhà ở của nhân viên bảo vệ Công ty lôi kéo, túm quần áo và giằng co với nhân viên bảo vệ của Công ty từ trong nhà ra ngoài sân. Trong số đó có Trạc Văn S, sinh năm 1963 trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện L là người trực tiếp vào trong chỗ ở của nhân viên Công ty Thiên L6 Đ túm cổ áo anh Dương Văn Đ là nhân viên bảo vệ Công ty lôi, kéo ra ngoài đường, không cho ở nhà ông Ninh Văn V1 là nơi Công ty Thiên L6 Đ thuê nữa. Lúc này, các đồng chí Nguyễn Văn L6 – Phó Đội trưởng Đội An ninh; Nguyễn Trung Kiên, Trần Văn G và Hoàng Mạnh K1 đều là cán B1 Công an huyện L được Lãnh đạo Công an huyện L phân công phối hợp với Ban Công an xã Đ đến nắm tình hình vụ việc. Chứng kiến sự việc nêu trên, đồng chí Trần Văn G đã dùng máy quay camera và đồng chí Hoàng Mạnh K1 sử dụng điện thoại cá nhân quay lại những hình ảnh trên. Khi đồng chí Kiên đang dùng điện thoại để quay thì đối tượng Trạc Văn S lao vào giật điện thoại của đồng chí Kiên rồi đưa cho một người phụ nữ đứng ở gần đó. Sau đó S xông vào giật máy quay camera của đồng chí Giáp rồi đưa cho Chung Văn B1, B1 cầm máy quay giật được của đồng chí Giáp đi ra ngoài đường và đưa cho ai không rõ.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp số 04/CSĐT đối với Chung Văn B1 về hành vi Cướp tài sản. Đồng thời ban hành Kế hoạch số 17/CALNg về việc trưng tập cán B1 khám nghiệm hiện trường và thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, triệu tập các đối tượng liên quan về UBND xã Đ để làm việc. Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L thực hiện Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Chung Văn B1 và khám nghiệm hiện trường thì có khoảng 50 người dân thôn Đ, xã Đ, huyện L đã tập trung cản trở lực lượng Công an huyện L tiến hành thực hiện nhiệm vụ. Cụ thể Trạc Văn S, Ninh Văn T, sinh năm 1966 cầm đá đe dọa định đánh đồng chí Phạm Văn C2, đồng chí Ngô Vũ Thái H1 và một số cán B1 khác của Công an huyện L. Sau đó S giật gây công cụ hỗ trợ của đồng chí Ngô Vũ Thái H1 và giật cầu vai quân hàm của đồng chí Nguyễn Văn S1. Còn Ninh Văn L, sinh năm 1966, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện L đã dùng dao đe dọa và túm cổ áo bắt đồng chí Ninh Văn P (Trưởng Công an xã Đ) và một số người dân thôn Đ đã bắt đồng chí Nguyễn Văn L6 (Phó đội trưởng Đội An ninh - Công an huyện L) đưa về nhà văn hóa thôn Đ, xã Đ mục đích để đối lấy Chung Văn B1 đang bị Công an bắt giữ.

Khi các đối tượng nêu trên bắt giữ đồng chí P và đồng chí L6 đưa đến nhà Văn hóa thôn Đ thì Tô Văn B, sinh năm 1975 (nguyên là Trưởng thôn Đ đã bị cách chức) là người cất giữ chìa khóa nhà văn hóa đã mở khóa cửa nhà văn hóa thôn Đ để Ninh Văn L và người dân đưa đồng chí P và đồng chí L6 vào bên trong nhà văn hóa thôn Đ nhốt, giữ. Tô Văn B cũng là người trực tiếp hô hào người dân phải giữ đồng chí L6 và đồng chí P lại để yêu cầu Cơ quan chức năng thả Chung Văn B1 về. Sau khi nhốt, giữ đồng chí L6 và đồng chí P vào trong nhà văn hóa, B trực tiếp yêu cầu đồng chí L6 và đồng chí P gọi điện thoại yêu cầu lãnh đạo Công an phải thả Chung Văn B1 về. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày 30/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả tự do cho Chung Văn B1 nhưng Tô Văn B, Ninh Văn L và một số người dân thôn Đ, xã Đ, huyện L vẫn tiếp tục giữ đồng chí L6 và đồng chí P tại nhà văn hóa thôn Đ, xã Đ. Sau khi B1 được về, Tô Văn B đã nhiều lần vào trong Nhà văn hóa thôn Đ nơi giữ đồng chí L6 và đồng chí P đưa quyền sở cho đồng chí P và đồng chí L6 đe dọa bắt viết cam kết là Chung Văn B1 bị Công an bắt giữ trái pháp luật và Công an đánh B1. Khoảng 22 giờ 00 ngày 30/3/2018, ông Chung Văn T8, sinh năm 1947 trú tại thôn Đ, xã Đ là người già làng trưởng bản có uy tín trong thôn đến nhà Văn hoá thôn Đ bảo Tô Văn B mở cửa nhà Văn hoá ra để ông T8 nói chuyện với đồng chí P và đồng chí L6 xem thế nào. Lúc này B lấy chìa khoá mở khóa cửa Nhà Văn hoá cho ông T8 vào thăm đồng chí P và đồng chí L6 xong thì Tô Văn B lại khóa cửa nhà Văn hoá lại để nhốt, giữ đồng chí P và đồng chí L6 ở bên trong. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 31/3/2018 đồng chí Hoàng Văn D2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ cùng đồng chí Nguyễn Thanh B - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L làm trưởng đoàn cùng các ban ngành đoàn thể đến nhà Văn hoá thôn Đ để tuyên truyền và vận động nhân dân thôn Đ thả đồng chí P và đồng chí L6 ra. Khi đoàn công tác khi đến sân nhà Văn hoá thôn Đ gặp Tô Văn B yêu cầu B mở cửa nhà văn hóa để đoàn công tác vào thăm gặp đồng chí L6, đồng chí P và đối thoại với bà con nhân dân thì B nói “không có chìa khoá phải đi hỏi đã”. Sau đó, B đi ra phía ngoài cổng nhà Văn hoá thôn Đ và đưa chìa khoá cho một người phụ nữ mang vào mở cửa nhà Văn hoá cho tổ công tác vào. Sau khi đoàn công tác vào được bên trong nhà văn hóa thì bị người dân khoá cửa lại giữ ở trong nhà văn hóa cùng với đồng chí L6 và đồng chí P không cho ra ngoài.

Trước tình hình trên, Công an huyện L đã lập Phương án xử lý vụ Bắt, giữ người trái pháp luật số 18/KH-CALNg ngày 31/3/2018 đồng thời báo cáo lãnh đạo Công an tỉnh Bắc Giang tăng cường lực lượng hỗ trợ để giải cứu đồng chí L6, đồng chí P và đoàn công tác của Ủy ban nhân dân huyện L. Cùng ngày, Giám đốc Công an tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 802/QĐ-CAT về việc trưng tập cán B1 chiến sỹ tăng cường cho Công an huyện L để giải quyết vụ việc. Buổi chiều ngày 31/3/2018, Công an huyện L đã tổ chức lực lượng đến nhà Văn hóa thôn Đ tiến hành giải cứu các đồng chí bị bắt giữ và tổ chức bắt giữ các đối tượng chống đối. Quá trình giải cứu lực lượng thi hành nhiệm vụ đã bị Ninh Văn D, sinh năm 1988; Ninh Văn Q, sinh năm 1988; Tống Văn Q1, sinh năm 1965; Dương Thị N4, sinh năm 1973; Tô Thị V, sinh năm 1993; Tống Văn L1, sinh năm 1987 đều trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện L và một số người dân dùng gạch, đá ném liên tiếp về phía lực lượng Công an và phương tiện của lực lượng Công an để chống đối, làm xe ô tô xe ô tô biển số 98A- 009.83 của Công an tỉnh Bắc Giang bị hư hỏng kính chắn gió

phía trước. Khi Lai đang ném đá vào lực lượng Công an thì bị phát hiện bắt quả tang. Trên đường tổ công tác di chuyển về trụ sở UBND xã Đ thì Ninh Văn T, sinh năm 1966 và một số người khác đã khênh cây gỗ dài khoảng 04 mét ra chặn giữa đường nhằm cản trở không cho xe ô tô của đoàn công tác di chuyển về. Lực lượng Công an đã tiến hành bắt quả tang Ninh Văn T thì đối tượng Đặng Văn Q3, sinh năm 1980 có hành vi cản trở việc bắt giữ Tâm nên lực lượng Công an đã tiến hành bắt quả tang đối với Quan đưa về Công an huyện L làm việc. Quá trình làm việc với Quan do chưa đủ căn cứ tài liệu chứng minh hành vi chống người thi hành công vụ của Quan nên ngày 01/4/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định trả tự do cho Đặng Văn Q3.

Ngày 30/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ “Xâm phạm chỗ ở của người khác” tại khu nhà ở của cán B1 Công ty Thiên L6 Đ thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện L; Ngày 05/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành xác định hiện trường vụ “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Chống người thi hành công vụ” tại khu vực nhà Văn hóa thôn Đ và khu vực ngã ba đường rẽ vào Đập Khe sàng thôn Đ, xã Đ. Quá trình khám nghiệm hiện trường không thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Ngày 31/3/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành khám xe ô tô, biển kiểm soát 98A- 009.83 có dấu vết sau: Kính chắn gió cửa xe bên trái người lái bị vỡ có kích thước (90 x 60)cm. Vị trí thấp nhất của kính cách mặt đất là 01m56.

Ngày 09/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L Yêu cầu định giá tài sản số 63 đối với thiệt hại của xe ô tô biển số 98A- 009.83. Tại bản Kết luận số 42/KL-HĐ ngày 13/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự có kết luận giá trị thiệt hại của xe ô tô biển số 98A- 009.83 ở thời điểm bị thiệt hại là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại biên bản xem xét dấu vết thân thể anh Dương Văn Đ ngày 30/3/2018 tại Trạm y tế xã Đ xác định vùng ngực, bụng anh Dương Văn Đ có vết trầy xước da, trong đó vết ngắn nhất trên vùng ngực dài 0,5 cm, vết dài nhất trên vùng bụng dài 03cm.

Ngày 25/5/2018; ngày 04/7/2018; 09/7/2018 lần lượt Ninh Văn L, Ninh Văn Q, Ninh Văn D, Trạc Văn S đến Công an huyện L đầu thú và khai nhận hành vi phạm của bản thân. Quá trình ra đầu thú Trạc Văn S tự giao nộp 01 máy ảnh nhãn hiệu Canon SX 500is, bên trong có thẻ nhớ nhãn hiệu kington 16g; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone số Imei: 358806057507830.

Ngày 30/3/2018 anh Dương Văn Đ (là nhân viên công ty Thiên L6 Đ) giao nộp 01 áo lót dạng áo ba lỗ bị rách vai bên phải là chiếc áo anh mặc bị Trạc Văn S túm, kéo lôi ra khỏi chỗ ở của Công ty Thiên L6 Đ; anh Nguyễn Nam Giang giao nộp 01 áo phông màu trắng bị rách ở phần ngực, trên áo có chữ Adidas là chiếc áo anh mặc bị các đối tượng túm, kéo làm rách sáng ngày 30/3/2018 tại chỗ ở của công ty Thiên L6 Đ; Ngày 30/3/2018; ngày 31/3/2018 và ngày 01/4/2018 các đồng chí Bùi Mạnh H2 – cán B1 Công an huyện L giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 thẻ nhớ ghi lại hình ảnh các đối tượng có hành vi chống đối lực lượng thi hành

công vụ vào chiều ngày 30/3/2018; đồng chí Khúc Văn M3, Vi ngọc P2, Ngô Vũ Thái H1 đều là cán B1 Công an huyện L giao nộp 03 chiếc thẻ nhớ ghi lại hình ảnh một số đối tượng có hành vi chống người thi hành công vụ ngày 31/3/2018; Ngày 06/4/2018 anh Dương Văn Đ giao nộp 10 chiếc ảnh màu do nhân viên công ty Cổ phần Thiên L6 Đ chụp được khi nhân dân thôn Đ đuổi cán B1 Công ty ra khỏi chỗ ở chiều ngày 30/3/2018.

Ngày 25/5/2018 Ninh Văn L giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 con dao có chuôi bằng gỗ, chiều dài của dao 22cm, rộng 8cm, cán dao dài 13 cm, rộng 3cm; Ngày 02/8/2018 Trạc Văn S đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L 636 tờ giấy A4 có ghi chữ; 01 bản đồ mốc đo danh giới; 01 cặp bìa màu xanh do S lấy tại chỗ ở của Công ty Thiên L6 Đ.

Ngày 19/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Tô Văn B; ngày 03/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L ra Lệnh khám xét chỗ ở của Tô Văn B. Quá trình khám xét đã thu 01 quyển sổ ghi chép, mặt ngoài sổ có chữ sổ nhật ký, bên trong có 04 trang giấy có chữ viết; 56 tờ giấy A4 có chữ viết.

Đối với bị cáo Chung Văn B1 hiện nay không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy nã đối với B1 và ra quyết định tách hành vi của Chung Văn B1, khi nào bắt được B1 sẽ xử lý sau.

Đối với Tống Thị T11, Tơ Thị B, Tơ Thị H, Chung Thị Q, Đặng Thị C có hành vi khênh bàn từ trong chỗ ở của nhân viên Công ty Thiên L6 Đ ra ngoài có dấu hiệu của tội Xâm phạm chỗ ở của người khác, cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với các đối tượng Trạc Văn P, Tô Văn L7, Chung Văn C7, Tô Thị X4, Đặng Thị H4, Hoàng Văn H5, Đặng Văn Q3, Tô Văn N5, Tô Văn H6, Ninh Văn N6, Tống Văn Đ5, Tô Văn T12, Phùng Văn L8, Tống Thị G1, Lục Văn P3, Đặng Văn Q4, Ninh Thị Thắng, Tô Văn H7, Bày Thị M4, Đặng Văn L9, Ninh Thị L10, Ninh Văn L11, Trạc Văn Q5, Chung Văn T13, Tô Văn H8, Tống Văn H9, Trạc Văn M5 (đều trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang) có dấu hiệu của tội Bắt giữ người trái pháp luật và Xâm phạm chỗ ở của người khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành triệu tập các đối tượng trên để làm việc nhiều lần nhưng các đối tượng không đến làm việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tách tài liệu liên quan đến các đối tượng này để tiếp tục xác minh làm rõ nếu có căn cứ xử lý sau.

Quá trình điều tra Trạc Văn S khai sau khi giật cầu vai quân hàm của đồng chí Nguyễn Văn S1, S vút ở rìa đường gần hiện trường, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

Về vật chứng: Ngày 09/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho đồng chí Hoàng Mạnh K1 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone số Imei: 358806057507830; trả lại cho anh Nguyễn Văn S1 là người đại diện của Công an huyện L 01 máy ảnh nhãn hiệu Canon SX 500is.

Ngày 02/10/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Giang Nam là người đại diện ủy quyền của Công ty Cổ phần Thiên L6 Đ 636 tờ giấy A4 có ghi chữ; 01 bản đồ mốc đo danh giới; 01cặp bìa màu xanh do S lấy tại chỗ ở của nhân viên Công ty Thiên L6 Đ.

Những vật chứng còn lại chuyển đến kho vật chứng của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện L để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Các anh Nguyễn Văn L6, Ninh Văn P, Hoàng Mạnh K1, Dương Văn Đ và người đại diện của Công ty Thiên L6 Đ, của Công an huyện L và của Công an tỉnh Bắc Giang không ai có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại Bản cáo trạng số: 88 /CT-VKS-LN, ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo: Trạc Văn S về hành vi phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo điểm b khoản 1 Điều 158 B1 luật hình sự năm 2015 và tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 B1 luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo Ninh Văn L, Tô Văn B về hành vi phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 157 B1 luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo Tống Văn L1, Ninh Văn T, Ninh Văn D, Ninh Văn Q, Tống Văn Q1, Tô Thị V, Dương Thị N4 về hành vi phạm tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 B1 luật hình sự năm 2015.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 93/2018/HS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ninh Văn L, Tô Văn B phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Bị cáo Trạc Văn S phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” và phạm tội “Chống người thi hành công vụ”. Các bị cáo Tống Văn L1, Ninh Văn T, Ninh Văn D, Ninh Văn Q, Dương Thị N4 phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

-Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 157; Điều 17; Điều 38; khoản 2 Điều 51 và Điều 58 B1 luật hình sự năm 2015. Điều 333 và Điều 337 B1 luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Tô Văn B **03 (ba)** năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/5/2018.

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 157; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1,2 Điều 51 và Điều 58 B1 luật hình sự năm 2015. Điều 333 và Điều 337 B1 luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Ninh Văn L **02 (hai)** năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5 đến ngày 28/5/2018, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

-Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 55 và Điều 58 B1 luật hình sự. Điều 333 và Điều 337 B1 luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Trạc Văn S **12 (mười hai)** tháng tù về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” và **09 (chín)** tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Trạc Văn S phải chấp hành cho hai tội là **21(hai một)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

-Áp dụng khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 B1 luật hình sự năm 2015. Điều 333 và Điều 337 B1 luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Ninh Văn T **09 (chín)** tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” được trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/3/2018 đến ngày 28/6/2018, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo Tống Văn L1 **09 (chín)** tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” được trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/3/2018 đến ngày 28/6/2018, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

-Áp dụng khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 và Điều 58 B1 luật hình sự năm 2015. Điều 333 và Điều 337 B1 luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Ninh Văn Q **09 (chín)** tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5/2018 đến ngày 28/5/2018, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo Ninh Văn D **09 (chín)** tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo Dương Thị N4 **06 (sáu)** tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt với các bị cáo khác, tuyên phân xử lý vật chứng, phần án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử xong, ngày 26/11/2018 các bị cáo Tô Văn B, Trạc Văn Sái, Tống Văn L1, Ninh Văn D, Ninh Văn T, Dương Thị N4 đều nộp đơn kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 27/11/2018 bị cáo Ninh Văn L nộp đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 28/11/2018 bị cáo Ninh Văn Q nộp đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên toà P thẩm hôm nay các bị cáo Ninh Văn L, Trạc Văn S, Ninh Văn T, Tống Văn L1, Ninh Văn Q, Ninh Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Tô Văn B thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo kháng cáo kêu oan với lý do: Bị cáo không bắt giữ ai. Từ khi bị cáo không làm trưởng thôn thì chưa bầu trưởng thôn mới, sổ sách giấy tờ chưa bàn giao cho người mới, còn chìa khóa nhà văn hóa thôn thì giao cho Trương Văn T14 là Bí thư đoàn thanh niên. Ngày 30/3/2018 bị cáo ở nhà thì nghe tin công an bắt giữ Chung Văn B1 và nghe tin một số người dân bắt giữ hai đồng chí công an L6 và P, anh C gọi bị cáo vào nhà văn hóa thôn Đ thì bị cáo đến nhà văn hóa thôn Đ, bị cáo không biết ai mở cửa đóng cửa nhà văn hóa.

Bị cáo Ninh Văn L kháng cáo với lý do: Án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo không bắt giữ anh L6, bị cáo chỉ tóm cổ áo và kéo anh P đi khoảng 100m, sau đó giao cho người dân. Bị cáo không biết ai là người cất giữ chìa khóa nhà văn hóa.

Bị cáo Ninh Văn T kháng cáo với lý do: Nhận thức, hiểu biết pháp luật còn hạn chế đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Trạc Văn S kháng cáo với lý do: Bị cáo có túi cổ áo anh Đ là nhân viên bảo vệ Công ty Thiên L6 Đ để lòi ra ngoài đường. Khi thấy cán B1 Công an sử dụng máy ảnh và máy điện thoại ghi lại hành vi của mình, bị cáo đã giật máy ảnh, máy điện thoại đưa cho người khác mục đích ngăn cản những cán B1 Công an ghi lại hành vi của mình. Bị cáo là người dân tộc, không biết chữ, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Tống Văn L1 kháng cáo với lý do: Bị cáo là người dân tộc, không biết chữ, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo nhận thấy việc cầm gạch, cầm đá ném vào đoàn công tác của Công an là sai.

Bị cáo Ninh Văn Q kháng cáo với lý do: Án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Ninh Văn D kháng cáo với lý do: Do Công an xit hơi cay nên bị cáo đã cầm gạch đá ném vào lực lượng Công an 3- 4 nhát. Do là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế.

Bị cáo Dương Thị N4 thay đổi nội dung kháng cáo: Bị cáo kháng cáo kêu oan, vì bị cáo thấy Công an xit hơi cay nên bị cáo có cầm đất đá ném chơi về phía lực lượng Công an. Phiên tòa ngày 22/4/2019, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo không kêu oan nữa, bị cáo thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố bị cáo bị bệnh, bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật hạn chế.

Bị hại ông Nguyễn Văn L6 khai nhận: Buổi chiều ngày 30/3/2018 đồng chí L6 được lãnh đạo phân công nhiệm vụ tham gia kế hoạch giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Chung Văn B1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bản thân đồng chí P bị Ninh Văn L dùng dao đe dọa túm kéo, bắt giữ yêu cầu đi về nhà văn hóa thôn Đ, còn đồng chí L6 bị một số người khác bắt giữ, sau đó những người này đưa các đồng chí về nhà văn hóa thôn Đ. Khi đưa về đến nhà văn hóa thôn Đ không có chìa khóa nhà văn hóa thì Tô Văn B mang chìa khóa nhà văn hóa đến để cho người dân đưa hai đồng chí vào trong nhà văn hóa thôn Đ giữ từ hồi 15 giờ ngày 30/3/ 2018 đến 15 giờ ngày 31/3/2018 mới được giải cứu. Tại nhà văn hoá thôn Đ, Tô Văn B đã nhiều lần đe dọa các đồng chí bắt viết bản cam kết là Công an đánh Chung Văn B1, yêu cầu gọi điện thoại cho lãnh đạo thả Chung Văn B1 ra thì mới thả hai đồng chí về.

Người làm chứng ông Chung Văn T8 trình bày: Ngày 30/3/2018 nghe tin được biết nhân dân thôn Đèo có giữ người nhốt ở trong nhà văn hoá thôn Đ. Khoảng 22 giờ cùng ngày ông ra nhà văn hoá xem ai bị nhốt, khi ra đến nhà văn hoá thì thấy Tô Văn B, ông nói “ Mở cửa cho tao vào xem bắt giữ ai”, Tô Văn B đã cầm chìa khoá mở cửa ngách rồi cùng ông vào trong nhà văn hoá, khi vào trong nhà văn hoá ông hỏi thăm mới biết là anh P trưởng Công an xã Đ và anh L6 Công an huyện bị bắt. Ông khẳng định B trực tiếp cầm chìa mở khoá cửa, ngoài ra

không có ai khác. Khi vào ông chỉ hỏi thăm sức khoẻ của đồng chí L6 và đồng chí P rồi về ngay.

Lời khai của ông Ninh Văn L4 trình bày: Ông là bí thư Chi B1 thôn Đ, Tô Văn B bị Chủ tịch UBND xã Đ đình chỉ chức vụ trưởng thôn Đ kể từ ngày 5/2/2018, kể từ khi bị đình chỉ và cho đến nay Tô Văn B chưa bàn giao, sổ sách, tài sản và chìa khoá Hội trường thôn Đ, mỗi lần họp Chi B1 thôn đều phải liên hệ với B, để B mở khoá.

Lời khai của ông Ninh Văn Đ4 trình bày: Khi ông không làm trưởng thôn nữa, thì Tô Văn B được bầu làm trưởng thôn Đ, ông đã bàn giao tất cả tài sản và sổ sách cũng như chìa khoá Hội trường thôn Đ cho Tô Văn B, cụ thể Tô Văn B đã nhận 02 chiếc chìa khoá của thôn Đ.

Nhân chứng bà Hoàng Thị Đ, ông Tô Văn L2 là bố mẹ đẻ của bị cáo Tô Văn B, tại phiên toà đều trả lời không biết và cũng không khai báo gì. Tuy nhiên, tại bút lục 450, bà Đức có khai: “ Từ lúc làm trưởng thôn thì con trai tôi Tô Văn B cầm chìa khoá nhà văn hóa thôn Đ. Đến tối ngày 30/3/2018 thì con trai tôi đã vào nhà văn hóa mở cửa, bật điện lên vì sợ dân đánh anh P và anh L6...”.

Bị hại Ninh Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tại bút lục 920, 922 có khai: Anh P làm Trưởng công an xã Đ từ năm 2004 đến nay. Buổi chiều ngày 30/3/2018 anh P được Chủ tịch UBND huyện L phân công nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự tại thôn Đ. Khi thực hiện nhiệm vụ bản thân anh bị Ninh Văn L dùng dao đe dọa túm kéo bắt giữ yêu cầu đi về nhà văn hóa thôn Đ. Anh thấy Tô Văn B mang thìa khóa vào nhà văn hóa, anh nghĩ bị cáo B mở. Anh và anh L6 bị giữ tại nhà văn hóa thôn Đ từ hồi 15h ngày 30/3/2018 đến khoảng 15h ngày 31/3/2018 mới được giải cứu. Trong thời gian bị bắt giữ anh và anh L6 bị Tô Văn B yêu cầu viết bản cam kết là Công an đánh Chung Văn B1, yêu cầu gọi điện cho lãnh đạo thả Chung Văn B1 ra thì mới thả anh và anh L6 về. Trong thời gian bị bắt giữ có ông Chung Văn T8 đến hỏi thăm và động viên, ông T8 bảo chúng tôi cứ yên tâm để ông lựa bà con và bảo bà con ở thôn Đ không manh động.

Người làm chứng ông Lê Kim Đ5 vắng mặt tại phiên tòa, tại bút lục 843, 845 có khai: Khi ông cùng đồng chí chủ tịch huyện và đoàn công tác vào sân nhà văn hóa xã Đ để tuyên truyền thì gặp Tô Văn B, đồng chí Chủ tịch huyện yêu cầu B mở cửa nhà văn hóa thì B có đưa chìa khóa cho một người phụ nữ mở cửa nhà văn hóa để đoàn công tác vào làm việc.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm áp dụng Điều 355, 356, 357 BLTTHS để không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Tô Văn B, Ninh Văn D, Ninh Văn L, Trạc Văn S, Ninh Văn T, Tống Văn L1, Ninh Văn Q, Dương Thị N4; xử giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Luật sư Hà Duy Sơn, luật sư Hoàng Văn T, luật sư Vũ Văn V bào chữa cho các bị cáo Tô Văn B, Ninh Văn D, Ninh Văn L, Trạc Văn S, Ninh Văn T, Tống Văn

L1, Ninh Văn Q: Tại phiên tòa ngày 19/4/2019 thì có mặt, nhưng ngày 22/4/2019 thì vắng mặt không có lý do.

Ông Thân Văn L3- Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm bào chữa cho các bị cáo Tô Văn B, Tống Văn L1 và Trạc Văn S: Đồng ý về tội danh truy tố đối với hai bị cáo Lai và bị cáo S, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt thì xem xét mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như vai trò các bị cáo. Đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 B1 luật hình sự đối với bị cáo Lai vì bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, nếu không được hưởng án treo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo S thì áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 B1 luật hình sự là phù hợp đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo còn 15 tháng tù.

Đối với bị cáo B đề nghị cho đối chất với ông Chung Văn T8, triệu tập ông Cảnh công an đến phiên tòa và cần làm rõ chìa khóa ai cầm. Đề nghị xem xét ý kiến của bị cáo B cho rằng không phạm tội.

Đề nghị áp dụng thêm điểm m khoản 1 Điều 51 B1 luật hình sự đối với các bị cáo.

Bà Thân Thị Thuý Vân- trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước phát biểu quan điểm bào chữa cho các bị cáo Ninh Văn T, Ninh Văn L, Dương Thị N4: Không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát. Ba bị cáo Tâm, L6, Nông đều không biết chữ, là người dân tộc thiểu số hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Vì các bị cáo sống ở vùng văn hoá hạn chế lạc hậu đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo tại điểm m khoản 1 Điều 51 BLHS và khoản 2 Điều 51 BLHS vì bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Dương Thị N4 để cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố bị bệnh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo Tâm và L6.

Bị cáo B không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát, đồng ý bài bào chữa của ông Thân Văn L3.

Bị cáo Lai và bị cáo S đồng ý bài bào chữa của ông Thân Văn L3.

Bị cáo Tâm, L6, Nông đồng ý bài bào chữa của bà Thân Thị Thuý V.

Bị cáo Quảng, Dân không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên đối đáp với quan điểm của các trợ giúp viên pháp lý và của các bị cáo:

Không đồng ý áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 BLHS vì các cơ quan ban ngành đã phổ biến, tuyên truyền pháp luật trên báo đài rất nhiều.

Đồng ý áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo vì bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Nông không áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS vì tại phiên tòa ngày 19/4/2019 bị cáo không ăn năn hối cải.

Bị cáo B đề nghị hủy án là không có căn cứ chấp nhận vì các cơ quan tiến hành tố tụng đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Việc xác định ai là người cầm chìa khóa cửa nhà văn hóa thì đã rõ, Viện kiểm sát đã phân tích và không tranh luận thêm

Các trợ giúp viên pháp lý vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo Tô Văn B đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Bị cáo Ninh Văn L xin được hưởng án treo. Bị cáo Trạc Văn S xin được hưởng án treo. Bị cáo Ninh Văn T không có ý kiến gì. Bị cáo Tống Văn L1 xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Ninh Văn D đề nghị hoãn phiên tòa và xin được hưởng án treo. Bị cáo Dương Thị N4 xin được hưởng án treo. Bị cáo Ninh Văn Q xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Tô Văn B, Ninh Văn L, Trạc Văn S, Ninh Văn T, Tống Văn L1, Ninh Văn Q, Ninh Văn D, Dương Thị N4 đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét theo trình tự P thẩm.

Về việc vắng mặt một số bị hại, có đơn xin xét xử vắng mặt và một số người làm chứng: Những người này đã có lời khai ở trong hồ sơ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Đối với luật sư Tùng, Sơn, Vinh tại phiên tòa ngày 19/4/2019 có mặt, nhưng tại phiên tòa ngày 22/4/2019 tiếp tục xét xử thì các luật sư vắng mặt không có lý do, do vậy luật sư tự làm mất quyền và không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của luật sư. HĐXX quyết định tiếp tục xét xử.

Việc luật sư Tùng và bị cáo B đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập thêm một số người làm chứng là không cần thiết vì họ không liên quan đến vụ án.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Tô Văn B, Ninh Văn L, Trạc Văn S, Ninh Văn T, Tống Văn L1, Ninh Văn Q, Ninh Văn D, Dương Thị N4, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm và P thẩm thấy đủ cơ sở xác định:

Do không nhất trí với việc Ủy ban nhân dân huyện L giao đất rừng và đất L6 nghiệp tại thôn Đ, xã Đ, huyện L cho Công ty Cổ phần Thiên L6 Đ. Buổi sáng ngày 30/3/2018, Trạc Văn S đã có hành vi túm áo lôi kéo đuôi trái phép anh Dương Văn Đ là nhân viên bảo vệ của Công ty cổ phần Thiên L6 Đ ra khỏi chỗ ở của nhân viên Công ty cổ phần Thiên L6 Đ thuê tại nhà của ông Ninh Văn V1 ở thôn Đ, xã Đ, huyện L. Khi sự việc xảy ra có các đồng chí Nguyễn Văn L6, Nguyễn Trung Kiên, Trần Văn G và Hoàng Mạnh K1 là cán B1 Công an huyện L đang thi hành nhiệm vụ có mặt ở đó, đồng chí Hoàng Mạnh K1 và Trần Văn G đã sử dụng điện thoại và máy quay để quay lại hành vi vi phạm của Trạc Văn S và

một số đối tượng vi phạm nên S đã xông vào giật điện thoại của đồng chí Kiên sau đó tiếp tục giật máy quay của đồng chí Giáp rồi đưa máy quay cho Chung Văn B1 cầm đi nhằm ngăn cản không cho thực hiện nhiệm vụ. Buổi chiều cùng ngày khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L thực hiện nhiệm vụ khám nghiệm hiện trường và thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Chung Văn B1 thì Ninh Văn L và một số đối tượng đã có hành vi bắt, giữ đồng chí Ninh Văn P là Trưởng Công an xã Đ và đồng chí Nguyễn Văn L6 là cán B1 Công an huyện L. Tô Văn B là người cất giữ chìa khóa nhà văn hóa đã trực tiếp mở khóa cửa Nhà văn hóa thôn Đ để các đối tượng đưa đồng chí L6 và đồng chí P vào nhốt, giữ trong Nhà văn hóa. B cũng là người trực tiếp hô hào người dân phải giữ đồng chí L6 và đồng chí P lại để yêu cầu Cơ quan chức năng thả Chung Văn B1. Sau khi Chung Văn B1 được thả về thì Tô Văn B đã nhiều lần vào trong Nhà văn hóa thôn Đ nơi giữ đồng chí L6 và đồng chí P đưa quyển sổ cho đồng chí P và đồng chí L6 đe dọa bắt viết cam kết là Chung Văn B1 bị Công an bắt giữ trái pháp luật và Công an đánh Chung Văn B1.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên toà sơ thẩm và P thẩm Tô Văn B không nhận tội và kêu bị oan.

Tuy nhiên, hành vi của bị cáo Tô Văn B được chứng minh qua các lời khai của những bị hại Nguyễn Văn L6, Ninh Văn P, lời khai của người làm chứng Ninh Văn Đ4, Ninh Văn L4, Chung Văn T8, Tô Văn L2, Hoàng Thị Đ, Lê Kim Đ5...đã có đủ căn cứ xác định Tô Văn B là người quản lý chìa khóa nhà văn hóa thôn Đ, xã Đ và là người đã mở cửa để nhốt giữ đồng chí L6, đồng chí P.

Đối với bị cáo Ninh Văn L khai nhận buổi trưa ngày 30/3/2018 L6 đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Tô Văn B nói Công an bắt giữ B1 rồi, ra ngã ba bắt giữ cán B1 lại để đổi lấy B1. Sau đó L6 cầm theo một con dao đi ra khu vực ngã ba gần chỗ nhà ông Vinh thấy có đông Công an và người dân thôn Đ ở đó, thấy S hai tay cầm hai hòn đá đe dọa một đồng chí Công an. Khi lực lượng Công an rút về gần hết, bị cáo dùng dao đe dọa và kéo tay, du đẩy đồng chí P trưởng Công an xã đi về phía nhà văn hóa thôn, lúc này một số người khác bắt giữ đồng chí L6 Công an huyện về đến đó thì bị cáo giao đồng chí P lại cho mọi người đưa về nhà văn hóa, còn bị cáo lấy xe mô tô, cầm dao đi theo phía sau, khi đến khu vực ngã ba chỗ nhà S, bị cáo đi xe máy về nhà. Bị cáo xác định chìa khóa nhà văn hóa thôn B thường vẫn do Tô Văn B cầm.

Bị cáo Trạc Văn S khai nhận buổi sáng ngày 30/3/2018 tại chỗ ở của cán B1 Công ty Cổ phần Thiên L6 Đ thuê tại gia đình nhà ông Vinh ở thôn Đ, bị cáo đã có hành vi túm cổ áo anh Đ là nhân viên công ty lôi ra ngoài đường; khi thấy có cán B1 Công an sử dụng máy ảnh và máy điện thoại ghi lại hành vi của mình S đã xông vào giật máy ảnh, máy điện thoại rồi đưa cho người khác mục đích ngăn cản những cán B1 Công an ghi lại hành vi của bản thân. Buổi chiều ngày 30/3/2018 khi lực lượng Công an bắt giữ Chung Văn B1, S có hành vi dùng đá dọa đánh một cán B1 Công an, dùng tay giật gậy công cụ hỗ trợ và giật cầu vai quân hàm của cán B1 công an.

Các bị cáo: Ninh Văn D; Ninh Văn Q; Tống Văn Q1; Dương Thị N4; Tô Thị V; Tống Văn L1 đều khai nhận: Buổi chiều ngày 31/3/2018 bản thân các bị cáo được dùng gạch đá ném vào lực lượng Công an thực hiện nhiệm vụ giải cứu hai đồng chí Công an bị nhân dân thôn Đ bắt giữ tại nhà văn hóa thôn Đ. Bị cáo Ninh Văn T dùng gậy đánh đập xe của Công an và khênh cây gỗ cản trở xe của Công an.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo, lời khai của những người làm chứng, bản ảnh hiện trường, băng đĩa ghi hình và tang vật chứng đã được thu giữ, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang... và những chứng cứ khác có trong hồ sơ. Ấn sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Ninh Văn L, Tô Văn B về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 157 B1 luật hình sự năm 2015; bị cáo Trạc Văn S về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” và tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 330 B1 luật hình sự năm 2015; các bị cáo Tống Văn L1, Ninh Văn T, Ninh Văn D, Ninh Văn Q, Dương Thị N4 về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 B1 luật hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

Xét về nhân thân các bị cáo: Bị cáo Tô Văn B, Ninh Văn L, Ninh Văn T có nhân thân xấu, đều đã bị Trưởng Công an huyện L, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “ Gây mất trật tự ở nơi công cộng” đến nay chưa chấp hành xong. Các bị cáo Trạc Văn S ,Tống Văn L1, Ninh Văn T, Ninh Văn D, Ninh Văn Q, Dương Thị N4 đều có nhân thân tốt.

Vai trò: Trong vụ án này bị cáo Tô Văn B có vai trò chính, vì bị cáo là người cầm chìa khóa nhà văn hóa thôn, mở cửa nhà văn hóa thôn cho người dân đưa đồng chí L6, đồng chí P vào trong nhà văn hóa giữ, hô hào người dân bắt giữ đồng chí L6, đồng chí P để ra yêu sách thả Chung Văn B1.

Bị cáo Ninh Văn L là người trực tiếp dùng dao bắt giữ đồng chí Ninh Văn P giao cho những người khác để những người này đưa P và L6 về nhà văn hóa thôn để giữ trái pháp luật.

Tiếp đến là bị cáo Trạc Văn S có hành vi đuổi cán B1 Công ty Thiên L6 Đ ra ngoài và chống người thi hành công vụ.

Các bị cáo Ninh Văn D; Ninh Văn Q; Tống Văn L1, Ninh Văn T có hành vi tích cực chống người thi hành công vụ có vai trò ngang nhau nên mức án như nhau. Các bị cáo Dân, Quảng đều bị truy nã thể hiện ý thức chấp hành kém.

Đối với các bị cáo Dương Thị N4; Tô Thị V; Tống Văn Q1 có hành vi chống người thi hành công vụ với vai trò như nhau cho nên mức hình phạt như nhau. Riêng đối với bị cáo Dương Thị N4 trong các ngày xét xử để Hội đồng xét xử nhắc nhở nhiều lần thể hiện ý thức kém nên cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly ra khỏi đời sống xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Ninh Văn T, Tống Văn L1, Ninh Văn D, Ninh Văn Q, Dương Thị N4 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại i khoản 1 Điều 51 B1 luật hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo Trạc Văn S, Ninh Văn L, Tống Văn L1, Ninh Văn T , Ninh Văn D, Ninh Văn Q, Dương Thị N4 thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 B1 luật hình sự năm 2015. Sau khi phạm tội các bị cáo: Ninh Văn L, Ninh Văn Q, Ninh Văn D, Trạc Văn S lần lượt đến Công an huyện L đầu thú, ông Hoàng Văn D2 Chủ tịch UBND xã Đ và ông Ninh Văn P là người bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho cho các bị cáo Tô Văn B, Ninh Văn L nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 B1 luật hình sự năm 2015. Án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho các bị cáo là có căn cứ. Tại phiên tòa P thẩm, ông Nguyễn Văn S1, ông Ninh Văn P là bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do vậy cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 B1 luật hình sự đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Trạc Văn S tuy bị cáo phạm hai tội đều ít nghiêm trọng, nhưng cùng một lúc bị cáo phạm hai tội do vậy thuộc trường hợp nghiêm trọng nên HĐXX không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo.

Đối với yêu cầu của các trợ giúp viên pháp lý đề nghị áp dụng thêm điểm m khoản 1 Điều 51 BLHS là không có cơ sở để chấp nhận vì hiện nay các cơ quan ban ngành đã phổ biến, tuyên truyền pháp luật rất rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo đài. Do vậy việc cho rằng các bị cáo phạm tội do lạc hậu là không có căn cứ.

Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Tô Văn B cho rằng bị cáo không có tội thì thấy: Mặc dù tại phiên tòa hôm nay bị cáo luôn quanh co, chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, căn cứ vào các lời khai của bị cáo Ninh Văn L, những bị hại Nguyễn Văn L6, Ninh Văn P, lời khai của người làm chứng Ninh Văn Đ4, Ninh Văn L4, Chung Văn T8, Tô Văn L2, Hoàng Thị Đ, Hoàng Văn D2, Lê Kim Đ5... đã có đủ căn cứ xác định Tô Văn B là người quản lý chìa khóa nhà văn hóa thôn Đ, xã Đ và là người đã mở cửa để nhốt giữ đồng chí L6, đồng chí P. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không đưa ra được căn cứ gì mới có căn cứ pháp lý để cho rằng bị cáo bị oan. Vì vậy, HĐXX cần bác đơn kháng cáo của bị cáo B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng quy định và phù hợp với pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do, dân chủ của công dân, xâm phạm đến trật tự quản lý của cơ quan nhà nước, tổ chức được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo Tô Văn B, Ninh Văn L, Trạc Văn S, Ninh Văn T, Tống Văn L1, Ninh Văn Q, Ninh Văn D, Dương Thị N4 đánh giá toàn B1 tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo xử phạt bị cáo Bị cáo Tô Văn B 03 (ba) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, bị cáo Ninh Văn L 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, bị cáo Trạc Văn S 12 (mười hai) tháng tù về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” và 09 (chín) tháng tù tội “Chống người thi hành công vụ”; các bị cáo Ninh Văn T, Tống Văn L1, Ninh Văn Q, Ninh Văn D đều 09 (chín) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, bị cáo Dương Thị N4 06 (sáu) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa P thẩm, các trợ giúp viên pháp lý và các bị cáo không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Án phí: Các bị cáo trong vụ án này đều là người dân tộc đều sống ở các xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy miễn án phí hình sự P thẩm cho các bị cáo.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp P thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355, Điều 356 B1 luật tố tụng hình sự năm đối với bị cáo Tô Văn B, Ninh Văn L, Trạc Văn S, Ninh Văn T, Tống Văn L1, Ninh Văn Q, Ninh Văn D, Dương Thị N4.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Tô Văn B, Ninh Văn L, Trạc Văn S, Ninh Văn T, Tống Văn L1, Ninh Văn Q, Ninh Văn D, Dương Thị N4. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 157; Điều 17; Điều 38; khoản 2 Điều 51 và Điều 58 B1 luật hình sự năm 2015. Điều 333 và Điều 337 B1 luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Tô Văn B 03 (ba) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/5/2018.

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 157; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1,2 Điều 51 và Điều 58 B1 luật hình sự năm 2015. Điều 333 và Điều 337 B1 luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Ninh Văn L 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5 đến ngày 28/5/2018, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 330; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 55 và Điều 58 B1 luật hình sự. Điều 333 và Điều 337 B1 luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Trạc Văn S 12 (mười hai) tháng tù về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” và 09 (chín) tháng tù tội “Chống người thi

hành công vụ”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Trạc Văn S phải chấp hành cho hai tội là 21(hai một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 B1 luật hình sự năm 2015. Điều 333 và Điều 337 B1 luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Ninh Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” được trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/3/2018 đến ngày 28/6/2018, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 B1 luật hình sự năm 2015. Điều 333 và Điều 337 B1 luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Tống Văn L1 09 (chín) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” được trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/3/2018 đến ngày 28/6/2018, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 B1 luật hình sự năm 2015. Điều 333 và Điều 337 B1 luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Ninh Văn Q 09 (chín) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5/2018 đến ngày 28/5/2018, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Xử phạt: Bị cáo Ninh Văn D 09 (chín) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Xử phạt: Bị cáo Dương Thị N4 06 (sáu) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Án phí hình sự P thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự P thẩm cho các bị cáo: Ninh Văn L, Tô Văn B , Trạc Văn S, Tống Văn L1, Ninh Văn T, Ninh Văn D, Ninh Văn Q, Dương Thị N4.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung

